TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2026
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên;** bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Lê Đức Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Mai Lương Sơn -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 886/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2025 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST – HNGĐ ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hương Tuyết C, sinh năm 2001

Nơi thường trú: Thôn T, xã Q, thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: thôn Hợp Thành, xã Tân Tri, tỉnh Lạng Sơn

2. Bị đơn: Anh Trịnh Đình T, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Thôn T, xã Q, thành phố Hà Nội

Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Hương Tuyết C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Đình T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/6/2020 tại UBND xã Q, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà chồng đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng, cãi vã, không tôn trọng nhau. Vợ chồng chị mâu thuẫn căng thẳng nhất vào cuối tháng 6/2023 khi chị muốn đưa 2 con về nhà bố mẹ đẻ chơi nhưng anh T không đồng ý lại còn đánh chị nên chị đã đưa cháu Gia H lên nhà bố mẹ đẻ chị ở Lạng Sơn từ tháng 6/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị không liên lạc, không quan tâm, không hỏi han anh T còn anh T và bố mẹ chồng chị cũng lên nhà chị một lần sau khi vợ chồng mâu thuẫn, anh T xin lỗi bảo chị về nhưng chị không về đoàn tụ nữa vì xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn đã trầm trọng từ lâu. Chị và anh T đã sống ly thân được gần 3 năm nên tình cảm không còn, vợ chồng chị không còn liên lạc, không hỏi han, không quan tâm, không chăm sóc, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Chị chỉ gọi điện thoại nói chuyện với cháu G chứ không về nhà chồng nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con. Do chị ở xa và bận công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Trịnh Hương G, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Trịnh Kim Gia H, sinh ngày 22/12/2022. Hiện cháu H đang ở cùng chị và bố mẹ đẻ chị ở thôn H, xã T, tỉnh Lạng Sơn, cháu H đang học ở trường Mầm non xã T. Anh T đang nuôi cháu G và nuôi hai con riêng với người vợ trước. Do đó để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và tâm lý của các con thì chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, đồng ý giao cháu G cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện chị đang làm nghề tự do, bán hàng online mỗi tháng thu nhập từ khoảng 15 triệu đến 20 triệu đồng. Do vậy chị có chỗ ở, thu nhập ổn định và có nhiều thời gian nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do anh Trịnh Đình T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T trước yêu cầu khởi kiện của chị C.

Tòa án làm việc với ông Trịnh Đình T1 (là bố đẻ anh T), ông T1 trình bày: Ông là bố đẻ anh T, anh T đang sinh sống cùng ông bà tại thôn T, xã Q, thành phố Hà Nội; anh T đi làm thuê đến tối mới về nhà. Anh T và chị C tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2020; trước khi kết hôn với chị C thì anh T có vợ nhưng đã ly hôn năm 2016. Sau đó vào năm 2023 anh T, chị C có mâu thuẫn, sau khi hai vợ chồng cãi nhau thì đến ngày hôm sau chị C đưa con thứ hai là cháu Gia H về nhà bố mẹ đẻ chị C ở tỉnh Lạng Sơn sinh sống từ đó đến nay. Từ năm 2023 đến nay chị C không về chung sống nữa mà chỉ thỉnh thoảng về thăm con rồi lại đi. Anh T và chị C có hai con chung là cháu Trịnh Hương G, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Trịnh Kim Gia H, sinh ngày 22/12/2022. Hiện anh T đang nuôi hai con riêng với vợ trước là cháu Trịnh Thanh T2, sinh năm 2012; cháu Trịnh Đình Tuấn M, sinh năm 2015 và cháu Trịnh Hương G. Do anh T đi làm xa về muộn nên ông nhận thay văn bản của Tòa án và có trách nhiệm giao lại ngay trong ngày cho con trai ông.

Tại biên bản xác minh tại xã Q thể hiện: Anh Trịnh Đình T và chị Hương T3 Chà là vợ chồng hợp pháp. Anh T cư trú, sinh sống tại địa phương còn chị Chà hiện không sinh sống ở địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không hoặc nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không biết, nhưng hiện nay chị C đã vắng mặt ở địa phương và không sống ở nhà chồng. Vợ chồng anh T, chị C có hai con chung.

Văn bản trình bày ý kiến của ông Hương Quý X và bà Đinh Thị L: Ông bà là bố, mẹ đẻ của chị C; do vợ chồng chị C mâu thuẫn nên chị C đã đưa cháu Gia H về nhà ông bà sinh sống từ lâu. Trường hợp chị C và anh T ly hôn thì ông bà đồng ý cho hai mẹ con chị C ở cùng nhà và ông bà nhận trách nhiệm hỗ trợ chị C trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị C được ly hôn anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trịnh Hương G, sinh ngày 09/7/2020 cho anh Trịnh Đình T; giao cháu Trịnh Kim Gia H, sinh ngày 22/12/2022 cho chị Hương Tuyết C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề nghị giải quyết do mỗi người nuôi một con chung và không ai đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Hương Tuyết C có đơn khởi kiện đối với anh Trịnh Đình T về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Trịnh Đình T có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xã Q, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân khu vực 6- Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị Hương Tuyết C đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6- Hà Nội giải quyết vắng mặt còn anh Trịnh Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị C, anh T theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hương Tuyết C và anh Trịnh Đình T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2020 tại UBND xã Q, Thành phố Hà Nội tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hương Tuyết C thì thấy: Căn cứ lời khai của chị C phù hợp với lời khai của ông Trịnh Đình T1 – bố đẻ anh Trịnh Đình T về việc chị C, anh T mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ khoảng năm 2023 đến nay. Chị C trình bày trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng chị không còn liên lạc, không quan tâm, chăm sóc, hỏi han đến nhau để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Còn anh T đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không đưa ra ý kiến gì trước yêu cầu xin ly hôn của chị C. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải nhưng anh T không đến hòa giải, không có ý muốn khắc phục quan hệ hôn nhân, trong khi chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn do vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị C được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Trịnh Hương G, sinh ngày 09/7/2020 và cháu Trịnh Kim Gia H, sinh ngày 22/12/2022. Xét nguyện vọng của chị C về việc xin tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Kim Gia H, đồng ý giao cháu Trịnh Hương G cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc thì thấy: Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị C còn cháu G đang sinh sống cùng anh T; các cháu đều đang sinh sống, học tập ổn định; anh T, chị C đều có chỗ ở, thu nhập ổn định nên đều đủ điều kiện về nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; hiện nay anh T cũng đang nuôi cả hai con riêng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 196/2016/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trịnh Kim Gia H cho chị C; giao cháu Trịnh Hương G cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế và quyền lợi của các đương sự.

Chị C, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị C. Xét thấy mỗi người nuôi một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, chị C cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T cũng không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hương Tuyết C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Hương Tuyết C được ly hôn anh Trịnh Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Hương G, sinh ngày 09/7/2020 cho anh Trịnh Đình T; giao cháu Trịnh Kim Gia H, sinh ngày 22/12/2022 cho chị Hương Tuyết C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Hương Tuyết C, anh Trịnh Đình T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, chị C cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hương Tuyết C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0018115 ngày 01/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 6- Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 6- Hà Nội;
- UBND xã Quảng Bị, thành phố Hà Nội (Số 69/2020);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền